

Số: 159/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố B, ngày 26 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã thụ lý số: 197/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về “xin ly hôn” giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Phùng Kim L**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số B ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Ông **Lưu Hồng T**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số B ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 02 tháng 4 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, ngày 18 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của Bà **Phùng Kim L** và Ông **Lưu Hồng T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: có 02 con chung là: Lưu Thị Phùng U, sinh ngày 09/11/1990 và Lưu Hồng L1, sinh ngày: 24/4/1998 đã trưởng thành nên Toà án không xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Bà Phùng Kim L và Ông Lưu Hồng T tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà Phùng Kim L và Ông Lưu Hồng T đều khai không có.

2.4. Về án phí: Bà Phùng Kim L tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0004466 ngày 22/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Phùng Kim L số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND –TP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS - TP Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường xã Nhơn Thạnh, TP Bến Tre;
- Các bên đương sự (2b) ;
- Lưu HS, VP (2b).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Duy Phong